



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN  
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần : TIẾNG NHẬT KINH THƯỜNG
- Mã học phần : JAP458
- Số tín chỉ : 3 TC (3/0/6)
- Cấp đào tạo : Đại học
- Loại học phần : Tự chọn
- Học phần trước : Tiếng Nhật Nghe Nói 4 (JAP440)
- Đơn vị phụ trách : Khoa Đông phương học
- Số giờ tín chỉ : 45, trong đó:
  - Lý thuyết : 45 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)

### 2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên : Mai Thanh Tuyền
- Chức danh, học vị : Cử nhân
- Thời gian làm việc : 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc : Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại : 0909468726
- Email : tuyenmt@vhu.edu.vn

Giảng viên :

- Họ và tên : Hirano Ayaka
- Chức danh, học vị : Tiến sĩ
- Thời gian làm việc : 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc : Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến

- Điện thoại : 0765310248
- Email : ayaka@vhu.edu.vn

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này mô tả về các điều kiện xuất nhập hàng hóa, các điều khoản INCOTERM, các hợp đồng khi mua bán hàng hóa bằng đường thủy, đường hàng không, và các chứng từ có liên quan khi xuất hàng, nhập hàng v.v...

### 4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Xây dựng cho sinh viên hiểu biết tổng quát về văn hoá đời sống Nhật Bản và văn hoá trong doanh nghiệp Nhật Bản;
- Nhận biết những đặc trưng cơ bản về văn hoá con người - doanh nghiệp Nhật Bản;
- Giúp sinh viên thấy được sự tương đồng và khác biệt giữa văn hoá doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản;
- Thông thạo các kỹ năng quan trọng như: kỹ năng soạn thảo email; kỹ năng giao tiếp qua điện thoại; kỹ năng ứng xử trong công ty,....

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần:

| Mã<br>CDR        | Nội dung chuẩn đầu ra<br>(Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)                                                                                                                                                                  |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kiến thức</b> |                                                                                                                                                                                                                                   |
| CLO1             | Hiểu biết các tổng quát về văn hoá trong đời sống Nhật Bản.                                                                                                                                                                       |
| CLO2             | Hiểu biết các tổng quát về văn hoá trong doanh nghiệp Nhật Bản.                                                                                                                                                                   |
| CLO3             | Phân loại các kỹ năng chỉ dùng trong văn hoá đời sống Nhật Bản: cách chào hỏi, ăn mặc, giao tiếp, nói chuyện điện thoại, kính ngữ, những từ nên và không nên dùng trong đời sống                                                  |
| CLO4             | Phân loại các kỹ năng chỉ dùng trong văn hoá doanh nghiệp Nhật Bản: cách chào hỏi, ăn mặc, trao đổi danh thiếp, tiếp khách hàng, viết mail trong công việc, giao tiếp trong công ty, cách nhận các chỉ thị, mệnh lệnh từ cấp trên |
| CLO5             | Phân biệt sự khác nhau trong văn hoá đời sống, doanh nghiệp Việt Nam -                                                                                                                                                            |

| <b>Mã<br/>CDR</b>                   | <b>Nội dung chuẩn đầu ra</b><br>(Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)                   |
|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                     | Nhật Bản                                                                                  |
| CLO6                                | Ghi nhớ các kỹ năng trong văn hoá đời sống và doanh nghiệp Nhật Bản.                      |
| <b>Kỹ năng</b>                      |                                                                                           |
| CLO7                                | Ứng dụng các kỹ năng đã được cung cấp vào cuộc sống ở Nhật hoặc giao tiếp với người Nhật. |
| CLO8                                | Ứng dụng các kỹ năng đã được cung cấp vào quá trình làm việc tại các công ty Nhật.        |
| <b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b> |                                                                                           |
| CLO9                                | Tích cực, chủ động trong học tập.                                                         |
| CLO10                               | Biết tổ chức, phân công nhóm.                                                             |
| CLO11                               | Phân tích, đánh giá trong các hoạt động thực hành.                                        |

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần**

| <b>Chuẩn đầu ra</b> | <b>PLO 1</b> | <b>PLO 2</b> | <b>PLO 3</b> | <b>PLO 4</b> | <b>PLO 5</b> | <b>PLO 6</b> | <b>PLO 7</b> | <b>PLO 8</b> | <b>PLO 10</b> | <b>PLO 11</b> | <b>PLO 12</b> | <b>PLO 13</b> |
|---------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>CLO1</b>         |              | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X             |               | X             |               |
| <b>CLO2</b>         |              | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X             |               | X             |               |
| <b>CLO3</b>         |              |              | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X             |               | X             |               |
| <b>CLO4</b>         |              |              | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X             |               | X             |               |
| <b>CLO5</b>         | X            |              | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X             |               | X             |               |
| <b>CLO6</b>         |              |              | X            | X            | X            |              | X            | X            | X             |               | X             |               |
| <b>CLO7</b>         | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X             | X             | X             | X             |
| <b>CLO8</b>         | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X             | X             | X             | X             |

|              |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|--------------|---|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| <b>CLO9</b>  | X |  | X | X | X | X | X | X | X |   | X | X |
| <b>CLO10</b> | X |  | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| <b>CLO11</b> | X |  | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |

**Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT**

**CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần**

## 6. Nội dung chi tiết của học phần

### 6.1. Lý thuyết

| Chương          | Nội dung          | Đáp ứng CLOs                        |
|-----------------|-------------------|-------------------------------------|
| <b>Chương 1</b> | <b>日本の一般マナー</b>   | <b>CLO1, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7</b> |
| 1.1             | あいさつの基本           |                                     |
| 1.2             | 身だしなみ(1)          |                                     |
| 1.3             | 身だしなみ(2)          |                                     |
| 1.4             | 入室・退室             |                                     |
| 1.5             | 話し方               |                                     |
| 1.6             | 敬語の使い方            |                                     |
| 1.7             | 整理整頓              |                                     |
| 1.8             | 携帯電話のマナー          |                                     |
| 1.9             | 社会人として、してはいけないこと  |                                     |
| 1.10            | 社会人らしい行動と言葉遣い     |                                     |
| <b>Chương 2</b> | <b>日本のビジネスマナー</b> | <b>CLO2, CLO4, CLO5, CLO6, CLO8</b> |
| 2.1             | 名刺                |                                     |
| 2.2             | 接客・訪問             |                                     |
| 2.3             | 接待・会食             |                                     |
| 2.4             | 席次                |                                     |
| 2.5             | 電話応対              |                                     |
| 2.6             | ビジネスEメール          |                                     |
| 2.7             | 指示を受ける            |                                     |
| 2.8             | 報告・連絡・相談          |                                     |
| 2.9             | 社内でのコミュニケーション     |                                     |
| 2.10            | 日本人の仕事観           |                                     |

## 6.2. Thực hành

|        | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đáp ứng CLOs                                                              |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 6.2.1. | <b>Bài tập cá nhân</b>                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                           |
|        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người học được kiểm tra kiến thức lý thuyết đã học trên lớp.</li> <li>- Người học được thực hành cá nhân kiến thức đã học trên lớp.</li> </ul>                                                                                                           | <b>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10</b>        |
| 6.2.2. | <b>Bài tập nhóm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                           |
|        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người học được chia nhóm để thực hành các kiến thức đã học trước lớp.</li> <li>- Người học được chia nhóm để thảo luận và báo cáo về sự tương đồng, khác biệt trong văn hoá đời sống, doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản theo từng đơn vị bài.</li> </ul> | <b>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11</b> |

## 7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

| Chương      | Tên chương          | Số tiết tín chỉ |         |           |           |            | Ghi chú |
|-------------|---------------------|-----------------|---------|-----------|-----------|------------|---------|
|             |                     | Lý thuyết       | Bài tập | Thực hành | Tự học    | Tổng       |         |
| 1           | 貿易取引の流れと書類の役割       | 15              |         |           | 30        | 45         |         |
| 2           | 貿易取引で最も重要な書類        | 15              |         |           | 30        | 45         |         |
| 3           | 法規制と取引の交渉・契約にかかわる書類 | 15              |         |           | 30        | 45         |         |
| <b>Tổng</b> |                     | <b>45</b>       |         |           | <b>90</b> | <b>135</b> |         |

## CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. ....
2. ....
3. ....

### **8. Phương pháp giảng dạy:**

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy**

| <b>Phương pháp giảng dạy</b> | <b>CLO1</b> | <b>CLO2</b> | <b>CLO3</b> | <b>CLO4</b> | <b>CLO5</b> | <b>CLO6</b> | <b>CLO7</b> | <b>CLO8</b> | <b>CLO9</b> | <b>CLO10</b> | <b>CLO11</b> |
|------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|
| Đọc tóm lược nội dung        | X           | X           | X           | X           | X           |             |             |             | X           |              |              |
| Tư duy cá nhân               |             |             | X           | X           | X           | X           | X           | X           | X           |              | X            |
| Tự học                       | X           | X           | X           | X           | X           | X           | X           | X           | X           |              |              |
| Thảo luận                    |             |             | X           | X           | X           | X           | X           | X           | X           | X            | X            |

## 9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập**

| Phương pháp học tập | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 | CLO8 | CLO9 | CLO10 | CLO11 |
|---------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|
| Làm việc nhóm       |      |      | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X     | X     |
| Tự học              | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    |       |       |

## 10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

**11. Thang điểm đánh giá:** Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

## 12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*
  - a. Điểm chuyên cần: 10, trọng số 10%

b. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30, trọng số 30%

2. Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%

Hình thức thi: Tổng hợp

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá**

| Hình thức đánh giá | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 | CLO8 | CLO9 | CLO10 | CLO11 |
|--------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|
| Tổng hợp           | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    |      |       |       |
| Dự lớp             | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X     | X     |

**13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2017 trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)**

**13.1. Tài liệu chính**

- これならわかる貿易書類入門塾、かんき出版

**13.2. Tài liệu tham khảo**

- しごとの日本語 – メールの書き方、アルク出版

- しごとの日本語 – 電話応対、アルク出版

*TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Trưởng khoa/Bộ môn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giảng viên biên soạn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**PGS.TS. Nguyễn Minh Đức**

**Nguyễn Thị Hồng Yến**

**Mai Thanh Tuyền**